TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 17/06/2026
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trần Văn Nghi.

2. Bà Vũ Thảo Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2026/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 2 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1977; Căn cước công dân số: 0371770024xx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29 tháng 4 năm 2021. Địa chỉ: tổ dân phố M, phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1979; Căn cước công dân số: 0370790112xx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11 tháng 8 năm 2021. Địa chỉ: tổ dân phố M, phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Đỗ Văn C có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 04 năm 2001 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (cũ), nay là Phường Đ, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn anh C không có công ăn việc làm ổn định nên

thường xuyền uống rượu, không có trách nhiệm với gia đình và đánh đập chị, việc anh C đánh đập và xúc phạm chị đã báo lên công an và chính quyền cơ sở để nhờ can thiệp nhưng anh C vẫn không thay đổi. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng bế tắc và không hạnh phúc nên chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh C để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung cháu Đỗ Trí T sinh ngày 24 tháng 01 năm 2002 và cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2005 hiện đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống nên chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Con riêng không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và công nợ chung, riêng: Chị và anh C tự thoả thuận phân chia nên nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Đỗ Văn C hiện đang cư trú tại tổ dân phố M, phường Đ, tỉnh Ninh Bình. Toà án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh Đỗ Văn C và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Đỗ Văn C nhưng anh C không ký nhận các văn bản tố trụng của Tòa án. Bản thân anh C cũng đã biết việc chị H khởi kiện xin ly hôn với anh C nhưng anh C không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1.Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và §iÒu 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Đỗ Văn C
- Án phí: Chị Phạm Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn với anh Đỗ Văn C có nơi cư trú tại: tổ dân phố M, phường Đ, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Đỗ Văn C, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Văn C có Đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 04 năm 2001 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (cũ), nay là Phường Đ, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm đã phát sinh mâu thuẫn do anh C không tu trí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu và xúc phạm chửi bới chị H. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh C không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện việc anh C không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa và đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Biên bản xác minh tại ủy ban nhân dân phường Đ thể hiện: Chị H và anh C đăng ký kết hôn tự nguyện tại tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (cũ), nay là Phường Đ, tỉnh Ninh Bình. Quá trình sinh sống tại địa phương anh chị Hằng Chức đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm. Chị H, anh C mâu thuẫn cãi chửi nhau chính quyền cơ sở không lập hội nghị hoà giải theo thủ tục tuy nhiên khi anh chị mâu thuẫn ảnh hưởng đến anh ninh thôn xóm thì chính quyền cơ sở cũng đã gặp gỡ từng bên bên phân tích động viên và hoà giải để anh chị có những biện pháp khắc phục mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Về con chung chị H và anh C có hai con chung cháu Đỗ Trí T sinh ngày 24 tháng 01 năm 2002 và cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2005 hiện đã trưởng thành đủ 18 tuổi. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh C đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, cả hai không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung, con riêng: Chị H và anh C có hai con chung cháu Đỗ Trí T sinh ngày 24 tháng 01 năm 2002 và cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2005 hiện đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Con riêng không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, riêng và công nợ chung, riêng: Chị H và anh C tự thoả thuận phân chia tài sản chung, anh chị không có tài sản riêng và công nợ chung nay ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị C1 Phạm Thị H và anh Đỗ Văn C (Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung, con riêng: Chị H và anh C có hai con chung cháu Đỗ Trí T sinh ngày 24 tháng 01 năm 2002 và cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2005 hiện đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Con riêng không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung, riêng và công nợ chung, riêng: Chị H và anh C tự thoả thuận phân chia tài sản chung. Anh chị không có tài sản riêng và công nợ chung, công nợ riêng nay ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000670 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Ninh Bình
- UBND phường Đ.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án,
- văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Khanh